

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 1831/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 22 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác tổ chức thực hiện
bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất
đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất
đai;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư
khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP*



ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 422/TTr-STNMT ngày 13 tháng 6 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2967/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quy chế phối hợp trong công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- TT.Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT (05 bản);
- LĐVP, P.KTCN;
- Lưu: VT, hđtan (01 bản).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Thanh Nhân



QUY CHẾ

**Phối hợp trong công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ
và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1831/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định chi tiết về trách nhiệm, thời gian, trình tự, thủ tục trong hoạt động phối hợp giữa các sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) trong việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; cơ quan chuyên môn về Tài nguyên và Môi trường. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng (Tổ chức dịch vụ công về đất đai, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư).
2. Người sử dụng đất quy định tại Điều 5 Luật Đất đai năm 2013 khi Nhà nước thu hồi đất.
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.
2. Điều tra, thu thập thông tin phục vụ việc lập kế hoạch và thông báo thu hồi đất.
3. Ủy quyền quyết định thu hồi đất; ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; Thông báo thu hồi đất.
4. Tổ chức điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm về đất đai và tài sản khác gắn liền với đất.
5. Xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường.
6. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện các nội dung có liên quan về đất đai, nhà ở, tài sản gắn liền với đất và các chính sách hỗ trợ.
7. Lập, tổ chức lấy ý kiến phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

8. Thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

9. Quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

10. Công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

11. Tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; bàn giao, quản lý đất đã thu hồi.

12. Cường chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc; cường chế thực hiện quyết định thu hồi đất.

Chương II

THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ, ỦY QUYỀN QUYẾT ĐỊNH THU HỒI ĐẤT VÀ THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT

Điều 4. Thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện

1. Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Cơ quan Tài nguyên và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện (sau đây gọi là Hội đồng bồi thường cấp huyện). Thành phần Hội đồng bồi thường cấp huyện theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Hội đồng bồi thường cấp huyện có trách nhiệm thực hiện và giải quyết những vấn đề có liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số; Chủ tịch Hội đồng bồi thường được sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong quá trình hoạt động.

3. Hội đồng bồi thường cấp huyện được thành lập theo từng dự án hoặc tùy theo điều kiện thực tế của từng địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể thành lập Hội đồng bồi thường chung cho tất cả các dự án.

Điều 5. Điều tra, thu thập thông tin phục vụ việc lập Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và hồ sơ về thông báo thu hồi đất.

1. Căn cứ vào Kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm điều tra, thu thập thông tin phục vụ việc lập Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và hồ sơ về thông báo thu hồi đất, cụ thể như sau:

a) Đối với các huyện, thành phố đã có cơ sở dữ liệu địa chính, hồ sơ địa chính:

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng gửi văn bản kèm theo bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích khu đất thu hồi đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai yêu cầu thực hiện trích lục bản đồ địa chính đối với các thửa đất nằm trong ranh giới khu đất thu hồi.

Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ kèm theo văn bản đề nghị của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm tổ chức thực hiện trích lục.

Thời gian thực hiện được quy định như sau:

- Trường hợp thực hiện từ dưới 50 trích lục thì thời gian thực hiện không quá 04 ngày làm việc;

- Trường hợp thực hiện từ 50 đến dưới 100 trích lục thì thời gian thực hiện không quá 07 ngày làm việc;

- Trường hợp từ 100 trích lục trở lên, nếu tăng thêm 50 trích lục thì được cộng thêm 03 ngày làm việc.

b) Đối với các huyện, thành phố chưa có cơ sở dữ liệu địa chính, hồ sơ địa chính:

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm phối hợp với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Ủy ban nhân dân cấp xã để thu thập thông tin của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong khu vực đất thu hồi.

Nội dung thông tin cần thu thập gồm:

- Tên tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có đất thu hồi;
- Địa chỉ thường trú;
- Diện tích đất dự kiến thu hồi;
- Loại đất đang sử dụng.

2. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng cung cấp thông tin nêu tại điểm b khoản 1 Điều này mà không phải thu phí.

Thời gian thực hiện không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi có trách nhiệm phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng rà soát thông tin đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp nêu tại điểm b, khoản 1 Điều này, thời gian thực hiện không quá 05 ngày làm việc.

4. Tùy theo tính chất của từng dự án, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng gửi văn bản đề nghị đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để sao lục hồ sơ địa chính.

5. Việc thực hiện trích lục bản đồ địa chính, sao lục hồ sơ địa chính tại điểm a khoản 1 và khoản 4 Điều này được thu phí, lệ phí theo quy định.

Điều 6. Ủy quyền quyết định thu hồi đất

1. Đối với dự án do Hội đồng bồi thường cấp huyện tổ chức thực hiện:

Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Cơ quan Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào cơ sở dữ liệu địa chính, hồ

sơ địa chính xác định đối tượng thu hồi đất. Trường hợp trong khu vực thu hồi đất có cả đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 thì cơ quan Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất.

2. Đối với dự án do Tổ chức phát triển quỹ đất tổ chức thực hiện:

Căn cứ thông tin đã được điều tra, thu thập quy định tại Điều 5 của Quyết định này. Trường hợp trong khu vực thu hồi đất có cả đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013, Tổ chức phát triển quỹ đất có trách nhiệm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất.

3. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền quyết định thu hồi đất gồm:

- a) Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường;
- b) Kèm theo Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Báo cáo của Tổ chức phát triển quỹ đất.

Điều 7. Phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; ban hành Thông báo thu hồi đất

1. Căn cứ thông tin đã được điều tra, thu thập quy định tại Điều 5 của Quyết định này, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm lập hồ sơ gửi đến cơ quan Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và ban hành thông báo thu hồi đất.

2. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và ban hành Thông báo thu hồi đất gồm:

a) Dự thảo Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm. Nội dung của Kế hoạch được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

b) Tờ trình kèm theo dự thảo thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án được lập theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

c) Bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích khu đất thu hồi để thực hiện dự án (đã có trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện);

d) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất nằm trong ranh giới khu đất thu hồi để thực hiện dự án. Trường hợp ở nơi chưa có cơ sở dữ liệu địa chính, hồ sơ địa chính thì phải có sơ đồ vị trí thửa đất, trong đó thể hiện các thông tin chủ yếu của thửa đất như: Vị trí, loại đất, diện tích dự kiến thu hồi, thông tin chủ sử dụng thửa đất tiếp giáp với thửa đất thu hồi.

3. Phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và ban hành thông báo thu hồi đất.

a) Trường hợp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi đất:

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và báo cáo gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và báo cáo do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng gửi đến, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đồng thời ban hành thông báo thu hồi đất.

b) Trường hợp do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất:

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và báo cáo gửi cơ quan Tài nguyên và Môi trường nơi có đất bị thu hồi.

Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và báo cáo do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng gửi đến, cơ quan Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ do cơ quan Tài nguyên và Môi trường gửi đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, đồng thời ban hành thông báo thu hồi đất.

4. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và thông báo thu hồi đất. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi tổ chức họp dân khu vực quy hoạch, triển khai, phổ biến kế hoạch thu hồi đất; thông báo về việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và thông báo thu hồi đất.

5. Thông báo thu hồi đất được gửi đến từng người có đất thu hồi, việc gửi thông báo thu hồi đất phải được lập thành biên bản hoặc danh sách có ký nhận của người có đất thu hồi, họp phổ biến đến người dân trong khu vực có đất thu hồi và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng thông qua đài truyền thanh cấp huyện, cấp xã 03 ngày liên tục, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

6. Thông báo thu hồi đất phải được gửi đến Văn phòng đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với trường hợp thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh), gửi đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Phòng Tài nguyên và Môi trường (đối với trường hợp thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp huyện) nơi có đất thu hồi và được lưu giữ tại Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án đó.

Chương III

TỔ CHỨC ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT, ĐO ĐẠC, KIỂM ĐẾM VỀ ĐẤT ĐAI VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT; XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ ĐỂ TÍNH TIỀN BỒI THƯỜNG

Điều 8. Tổ chức điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm về đất đai và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thành phần tham gia điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm về đất đai và tài sản khác gắn liền với đất gồm có:

a) Đại diện Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng hoặc đại diện đơn vị tư vấn có chức năng phù hợp theo quy định pháp luật đối với trường hợp Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thuê lại;

b) Người dẫn đạc (công chức địa chính xã (phường, thị trấn) hoặc đại diện lãnh đạo khu phố, ấp);

c) Người có đất thu hồi hoặc người đại diện hợp pháp.

2. Nội dung điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm về đất đai và tài sản khác gắn liền với đất thực hiện như sau:

2.1. Đối với các huyện, thành phố chưa có cơ sở dữ liệu địa chính, hồ sơ địa chính:

2.1.1 Điều tra, khảo sát, đo đạc về đất đai:

a) Xác định ranh giới thửa đất, lập bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất:

Trước khi đo vẽ chi tiết, cán bộ đo đạc phải phối hợp với người dẫn đạc (công chức địa chính xã (phường, thị trấn) hoặc đại diện khu phố, ấp) cùng người có đất thu hồi hoặc người đại diện hợp pháp tiến hành xác định ranh giới, mốc giới thửa đất trên thực địa có sự chứng kiến của các hộ kế cận và lập bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất theo **Mẫu số 01** của Phụ lục kèm theo Quyết định này để làm căn cứ đo đạc.

b) Tiến hành đo đạc, xác định diện tích, vị trí, loại đất:

Thực hiện đo vẽ chi tiết ranh giới thửa đất theo hiện trạng thực tế đang sử dụng, xác định loại đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

c) Lập phiếu xác nhận kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc về đất đai:

Sau khi hoàn thành công tác điều tra, khảo sát, đo đạc về đất đai và xử lý nội nghiệp, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phải lập phiếu xác nhận kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc về đất đai theo **Mẫu số 02** của Phụ lục kèm theo Quyết định này và công bố kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc về đất đai đến người có đất thu hồi.

2.1.2 Điều tra thu thập thông tin, đo đạc, kiểm đếm tài sản gắn liền với đất:

a) Đối với nhà ở, công trình và các vật kiến trúc:

- Đo đạc diện tích nhà ở, công trình và các vật kiến trúc của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên cơ sở hiện trạng đang sử dụng tại thời điểm đo đạc, kiểm đếm, đồng thời phân loại nhà ở, công trình và các vật kiến trúc để làm căn cứ cho việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ.

- Việc phân loại nhà ở, công trình và các vật kiến trúc của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân căn cứ theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh về đơn giá xây dựng mới nhà ở, công trình và các vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh.

- Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định hoặc có đặc thù riêng không áp dụng được giá hoặc chưa có trong quy định về đơn giá xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thuê đơn vị có chức năng xác định giá trị bồi thường đối với nhà, công trình đó, trình cơ quan quản lý chuyên ngành thẩm định trước khi thông qua Hội đồng thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thống nhất trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Trường hợp nhà và công trình có kết cấu phức tạp, tổ điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm không phân loại được thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập báo cáo kèm theo bảng tổng hợp gửi đến cơ quan Tài nguyên và Môi trường để chủ trì tổ chức phân loại nhà và công trình. Tùy theo điều kiện thực tế của từng địa phương, cơ quan Tài nguyên và Môi trường quyết định tổ chức phân loại nhà và công trình cho toàn bộ khu vực thực hiện thu hồi đất hoặc chỉ tổ chức phân loại những trường hợp nhà và công trình theo đề nghị của tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

b) Đối với cây trồng:

Thực hiện kiểm đếm, phân loại cây trồng theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đối với cây trồng có mật độ vượt định mức qui định, cây trồng không có trong danh mục theo quy định hiện hành thì phải báo cáo Hội đồng thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xem xét quyết định.

c) Việc điều tra thu thập thông tin, đo đạc, kiểm đếm tài sản gắn liền với đất phải được lập thành biên bản theo **Mẫu số 03** của Phụ lục kèm theo Quyết định này, được lập thành 03 (ba) bản có giá trị như nhau và phải có chữ ký của tất cả các thành viên tham gia kiểm đếm hoặc điểm chỉ (nếu không ký được), được gửi lại cho chủ tài sản gắn liền với đất 01 bản.

d) Nội dung biên bản phải ghi nhận ý kiến của người có đất thu hồi về thời điểm xây dựng nhà ở hoặc thời điểm tạo lập tài sản trên đất (công trình, vật kiến trúc, cây trồng...). Ngoài ra, phải thu thập các thông tin khác như: gia đình Mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động, cán bộ cách mạng lão thành và tiền khởi nghĩa; thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ, gia đình có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng; hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ kinh doanh, buôn bán.

2.2 Đối với các huyện, thành phố đã có cơ sở dữ liệu địa chính, hồ sơ địa chính:

Căn cứ hồ sơ và thông tin về đất đai đã thu thập được tại Điều 5 Quyết định này. Tổ điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm về đất đai và tài sản khác gắn liền với đất thực hiện điều tra, khảo sát hiện trạng sử dụng đất; đo đạc, kiểm đếm nhà ở, công trình và các vật kiến trúc, cây trồng. Việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm về đất đai và tài sản khác gắn liền với đất phải được lập thành biên bản theo **Mẫu số 04** của Phụ lục kèm theo Quyết định này, được lập thành 03 (ba) bản có giá trị như nhau và phải có chữ ký của tất cả các thành viên tham gia kiểm đếm hoặc điểm chỉ (nếu không ký được), được gửi lại cho người sử dụng đất, chủ tài sản gắn liền với đất 01 bản.

3. Việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm về đất đai và tài sản khác gắn liền với đất phải được thực hiện liên tục cho đến khi kết thúc đối với toàn bộ diện tích khu vực thu hồi (trừ trường hợp bất khả kháng). Thời gian thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm được quy định cụ thể như sau:

a) Đối với khu vực thu hồi đất có từ dưới 50 hộ thì thời gian thực hiện không quá 15 ngày làm việc;

b) Đối với khu vực thu hồi đất có từ 50 đến dưới 100 hộ thì thời gian thực hiện không quá 25 ngày làm việc;

c) Đối với khu vực thu hồi đất có từ 100 hộ trở lên, nếu tăng thêm 50 hộ thì được cộng thêm 10 ngày làm việc.

d) Trường hợp trong khu vực thu hồi đất phát sinh trường hợp phải cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc thì thời gian thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm được tăng thêm nhưng không quá 35 ngày làm việc.

Điều 9. Xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường

1. Sau khi Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch và thông báo thu hồi đất, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm nộp hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường quyền sử dụng đất.

2. Trong thời hạn 60 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức xác định giá đất, trình Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể theo quy định tại khoản 3 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 15, Điều 16 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Hồ sơ xác định giá đất cụ thể nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường gồm:

a) Văn bản đề nghị xác định giá đất cụ thể của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;

b) Kế hoạch thu hồi đất;

c) Báo cáo tổng hợp số liệu về đất đai;

d) Bản đồ hiện trạng sử dụng đất khu vực thu hồi;

đ) Các văn bản pháp lý có liên quan.

Điều 10. Xử lý một số trường hợp cụ thể khi thực hiện kiểm đếm

1. Trường hợp người bị thu hồi đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ nhưng đã chết trước thời điểm điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm mà những người được quyền hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật chưa làm thủ tục thừa kế theo quy định thì phải có văn bản (biên bản họp gia đình) thống nhất cử đại diện thay mặt cho những người thừa kế hoặc người quản lý, sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tham gia kiểm đếm, trong văn bản phải nói rõ quyền của người được cử đại diện, người được cử đại diện phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyền và nghĩa vụ hợp pháp của mình.

2. Trường hợp người bị thu hồi đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng trên thực tế đã chuyển quyền sử dụng đất cho người khác, bên nhận chuyển quyền chỉ có giấy chứng nhận của bên chuyển quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng, giấy tờ về chuyển quyền sử dụng đất nhưng chưa hoàn thành thủ tục chuyển quyền theo quy định của pháp luật thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp người đang sử dụng đất do nhận chuyển quyền sử dụng đất (nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất) trước ngày có thông báo thu hồi đất thì người nhận chuyển quyền sử dụng đất phải cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ khác có liên quan đến việc chuyển quyền cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, đồng thời có trách nhiệm phối hợp để điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và đứng tên trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thông báo bằng văn bản cho bên chuyển quyền và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi về việc thu hồi đất của người nhận chuyển quyền. Trường hợp không rõ địa chỉ của người chuyển quyền để thông báo thì phải đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương ba số liên tiếp.

b) Sau thời hạn 20 ngày, kể từ ngày thông báo hoặc ngày kết thúc việc đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương mà không có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện thủ tục thu hồi đất đối với người đã nhận chuyển quyền sử dụng đất nhưng trên hồ sơ về thu hồi đất phải ghi thêm thông tin của người đã chuyển quyền sử dụng đất. Nghĩa vụ tài chính có liên quan đến việc chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (nếu có) do người nhận chuyển quyền thực hiện và sẽ được khấu trừ vào tiền bồi thường trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

c) Trường hợp có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng vẫn thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm. Việc thực hiện thu hồi đất được tiến hành sau khi có kết quả giải quyết tranh chấp của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trường hợp người đang sử dụng đất do nhận chuyển quyền sử dụng đất (nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất) trước ngày

01 tháng 7 năm 2014, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc chỉ có một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện thủ tục thu hồi đất đối với người nhận chuyển quyền sử dụng đất. Người có đất thu hồi có trách nhiệm cung cấp cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng các giấy tờ có liên quan đến việc nhận tặng cho, thừa kế và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu phát sinh tranh chấp.

4. Trường hợp người đang sử dụng đất do nhận chuyển quyền sử dụng đất (nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất) từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 trở về sau mà người chuyển quyền sử dụng không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc không có các giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ, việc sử dụng đất không vi phạm pháp luật đất đai thì thực hiện như sau:

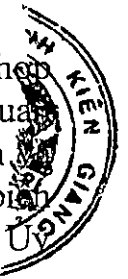
a) Người đang sử dụng đất phải cung cấp các giấy tờ có liên quan đến việc chuyển quyền cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, đồng thời có trách nhiệm phối hợp để điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và đứng tên trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

b) Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã mời người đang sử dụng đất và các bên có liên quan đến việc chuyển quyền sử dụng đất họp để thống nhất lại việc chuyển quyền, người đứng tên trong phương án bồi thường, cuộc họp phải được lập thành biên bản, có các bên tham gia ký xác nhận. Trường hợp có phát sinh tranh chấp thì Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bên chuyển quyền vắng mặt thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thông báo bằng văn bản cho bên chuyển quyền và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi về việc thu hồi đất của người nhận chuyển quyền. Trường hợp không rõ địa chỉ của người chuyển quyền để thông báo thì phải đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương ba số liên tiếp.

c) Sau thời hạn 20 ngày, kể từ ngày thông báo hoặc ngày kết thúc việc đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương mà không có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện thủ tục thu hồi đất đối với người đã nhận chuyển quyền sử dụng đất. Nghĩa vụ tài chính có liên quan đến việc chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (nếu có) do người nhận chuyển quyền thực hiện và sẽ được khấu trừ vào tiền bồi thường trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

5. Trường hợp trong thời gian thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm theo kế hoạch nhưng không thể liên hệ được với người có đất thu hồi mà nguyên nhân do người có đất thu hồi thường trú ngoài tỉnh hoặc thông tin về người có đất



thu hồi không có trên cơ sở dữ liệu địa chính, hồ sơ địa chính thì thực hiện như sau:

a) Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương ba số liên tiếp về việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, đồng thời niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, trụ sở ấp (khu phố) nơi có đất thu hồi.

b) Sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày thông báo hoặc ngày kết thúc việc đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương mà người có đất thu hồi vẫn không liên hệ với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì tổ điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm tiến hành đo đạc, kiểm đếm theo diện vắng chủ. Nội dung điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thực hiện theo khoản 2 Điều 8 của Quyết định này.

c) Tổ điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm lập biên bản ghi nhận quá trình thực hiện, trong đó nói rõ thời gian đã thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; sự chứng kiến của hộ kế cận khi điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm (nếu có). Biên bản được các thành viên trong tổ, hộ kế cận (nếu có) ký tên và được xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi.

6. Trường hợp người có đất thu hồi phối hợp với tổ điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm nhưng không ký vào hồ sơ đo đạc, kiểm đếm mà không có lý do chính đáng (trừ trường hợp giữa người có đất thu hồi với tổ đo đạc, kiểm đếm chưa thống nhất về số liệu) thì tổ điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm lập biên bản ghi nhận quá trình thực hiện, trong đó nói rõ lý do người có đất thu hồi không thống nhất; sự chứng kiến của hộ kế cận khi điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm (nếu có). Biên bản được các thành viên trong tổ, hộ kế cận (nếu có) ký tên và được xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi.

7. Trường hợp diện tích đất thu hồi đang có tranh chấp về quyền sử dụng đất thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng vẫn tổ chức điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Trong hồ sơ bồi thường phải ghi rõ "đất đang tranh chấp".

8. Các trường hợp quy định tại khoản 2, 3, 4 của Điều này không áp dụng đối với khu vực thu hồi đất đã có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 11. Trách nhiệm của các ngành, địa phương và các cơ quan có liên quan

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:

1.1 Xác nhận và cung cấp các thông tin có liên quan đến tính pháp lý của thửa đất và tài sản gắn liền với đất:

Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện các công việc như sau:

a) Căn cứ hồ sơ điều tra, thu thập thông tin, đo đạc kiểm đếm về đất đai xác nhận nguồn gốc, mục đích sử dụng đất, quá trình sử dụng theo từng thửa đất, của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong khu vực thu hồi đất. Nội dung thực hiện theo **Mẫu số 05** của Phụ lục kèm theo Quyết định này.

b) Căn cứ hồ sơ đo đạc, kiểm đếm về tài sản gắn liền với đất xác nhận tính hợp pháp và thời điểm tạo lập tài sản trên đất (thời điểm xây dựng nhà ở, các công trình xây dựng khác, có vi phạm quy định trong lĩnh vực xây dựng không; thời điểm trồng cây) của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong khu vực thu hồi đất. Nội dung thực hiện theo **Mẫu số 06** của Phụ lục kèm theo Quyết định này.

1.2 Xác nhận đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp để hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm.

a) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có cùng địa chỉ thường trú với địa chỉ thửa đất thu hồi.

- Căn cứ hồ sơ do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chuyển đến. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi có trách nhiệm xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp.

- Nội dung xác nhận cần ghi rõ số lượng nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp); số lượng nhân khẩu có nghề nghiệp khác như: Lao động tự do, làm việc tại doanh nghiệp, nội trợ, học sinh, sinh viên....đang sử dụng đất nông nghiệp tại thời điểm thu hồi đất. Đồng thời kết luận số trường hợp trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp. Nội dung thực hiện theo **Mẫu số 07** của Phụ lục kèm theo Quyết định này.

b) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất không cùng địa chỉ thường trú với địa chỉ thửa đất thu hồi.

- Căn cứ hồ sơ do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chuyển đến. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi có trách nhiệm xác nhận về việc sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi. Nội dung thực hiện theo **Mẫu số 08** của Phụ lục kèm theo Quyết định này.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi về việc sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân theo **Mẫu số 08** của Phụ lục kèm theo Quyết định này, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị kèm **Mẫu số 08** đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi hộ gia đình, cá nhân thường trú để xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp. Nội dung xác nhận thực hiện theo điểm a, tiểu khoản 1.2, khoản 1 Điều này.

1.3 Cung cấp thông tin cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường để thực hiện các chính sách hỗ trợ và tái định cư theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban

hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang tại thời điểm thu hồi đất. Phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng rà soát điều kiện và kết quả hỗ trợ tái định cư trước khi báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét quyết định. Nội dung thực hiện theo **Mẫu số 09** của Phụ lục kèm theo Quyết định này.

1.4 Các nội dung công việc tại tiểu khoản 1.1, 1.2 khoản 1 Điều này được thực hiện đồng thời và thời gian thực hiện được quy định như sau:

- Trường hợp xác nhận từ dưới 50 hộ thì thời gian thực hiện không quá 03 ngày làm việc;
- Trường hợp xác nhận từ 50 đến dưới 100 hộ thì thời gian thực hiện không quá 05 ngày làm việc;
- Trường hợp từ 100 hộ trở lên, nếu tăng thêm đến 50 hộ thì được cộng thêm 02 ngày làm việc.

1.5 Phối hợp quản lý đất đã thu hồi:

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng quản lý chặt chẽ đất đã được thu hồi. Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện những trường hợp bao chiếm, tái lấn chiếm đất đã thu hồi để xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng:

a) Xây dựng kế hoạch chi tiết tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, trong đó nêu rõ từng nội dung công việc theo trình tự, thủ tục thu hồi đất, cơ quan chủ trì thực hiện, cơ quan phối hợp, thời gian bắt đầu và kết thúc. Nội dung thực hiện theo Phụ biểu số 01 kèm theo Quyết định này;

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết công khai kết quả xác nhận theo Mẫu số 05, 06, 07, 08 và kết quả xét hỗ trợ tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi, thời gian niêm yết là 10 ngày;

c) Tổng hợp thông tin tại Mẫu số 07, 08 và kết quả xét hỗ trợ tái định cư tại Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét quyết định.

d) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện những trường hợp không đủ điều kiện bồi thường về đất đai, tài sản gắn liền với đất, không đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định để Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác theo quy định tại Điều 25, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

đ) Đề nghị cơ quan chức năng chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp thu hồi một phần thửa đất và gửi kết quả chỉnh lý cho người có đất bị thu hồi trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã chỉnh lý.

3. Trách nhiệm của Phòng Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các phòng chuyên môn cấp huyện tổ chức phân loại nhà, công trình và tài sản khác gắn liền với đất (thẩm định ngoại nghiệp) như sau:

Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ kèm theo văn bản đề nghị của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng. Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì tổ chức phân loại nhà, công trình và tài sản khác gắn liền với đất để làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Hồ sơ đề nghị gồm:

- Văn bản đề nghị của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;

- Bảng tổng hợp chi tiết số liệu đo đạc, kiểm đếm tài sản khác gắn liền với đất của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong khu vực đất thu hồi;

- Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất.

b) Việc phân loại nhà, công trình và tài sản khác gắn liền với đất tại thực địa phải được lập thành biên bản riêng cho từng tổ chức, hộ gia đình và cá nhân và được từng thành viên tham gia ký tên. Nội dung thực hiện theo **Mẫu số 10** của Phụ lục kèm theo Quyết định này.

c) Thời gian thực hiện phân loại nhà, công trình và tài sản khác gắn liền với đất quy định như sau:

- Trường hợp phân loại từ dưới 50 hộ thì thời gian thực hiện không quá 04 ngày làm việc;

- Trường hợp phân loại từ 50 đến dưới 100 hộ thì thời gian thực hiện không quá 06 ngày làm việc;

- Trường hợp từ 100 hộ trở lên, nếu tăng thêm 50 hộ thì được cộng thêm 03 ngày làm việc.

d) Tùy theo quy mô, tính chất phức tạp của từng dự án, Phòng Tài nguyên và Môi trường quyết định tổ chức thẩm định ngoại nghiệp tại những thửa đất và tài sản khác gắn liền với đất theo đề nghị của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng hoặc thẩm định ngoại nghiệp cho toàn bộ dự án.

4. Trách nhiệm của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai:

a) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm tiếp nhận và lưu giữ bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người có đất thu hồi do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chuyển đến.

b) Chính lý biến động trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp thu hồi một phần thửa đất. Đồng thời có trách nhiệm chuyển trả hồ sơ đã chỉnh lý biến động cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng để giao trả cho người có đất thu hồi.

Thời gian chính lý không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người có đất bị thu hồi do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chuyển đến.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo các Mẫu số 07, 08 và kết quả xét tái định cư tại Ủy ban nhân dân cấp xã do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng gửi đến. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định kết quả xét hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm, hỗ trợ tái định cư cho hộ gia đình, các nhân có đất thu hồi để lập phương án hỗ trợ.

b) Tùy theo quy mô, tính chất của từng dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Tổ thẩm định ngoại nghiệp để thực hiện phân loại nhà, công trình và tài sản khác gắn liền với đất, đồng thời ban hành Quy chế làm việc của Tổ thẩm định ngoại nghiệp, trong đó có phân công trách nhiệm cụ thể của các thành viên. Tổ thẩm định ngoại nghiệp được thành lập theo từng dự án hoặc có thể thành lập chung cho tất cả các dự án.

c) Xem xét những trường hợp không đủ điều kiện bồi thường về đất đai, tài sản gắn liền với đất, không đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định trình Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Chương IV **LẬP, THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ** **VÀ TÁI ĐỊNH CƯ; THU HỒI ĐẤT VÀ PHÊ DUYỆT** **PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG**

Điều 12. Tổ chức lấy ý kiến phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

1. Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày các ngành, địa phương và các cơ quan có liên quan thực hiện hoàn thành các nội dung công việc theo trách nhiệm được quy định tại Điều 11 Quy chế này, căn cứ giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường quyền sử dụng đất trong khu vực thu hồi do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Nội dung của phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

2. Tổ chức lấy ý kiến và niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo hình thức tổ chức họp trực tiếp với người dân trong khu

vực có đất thu hồi, đồng thời niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

Thời gian niêm yết và tiếp nhận ý kiến đóng góp là 20 ngày, kể từ ngày niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã và điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất thu hồi.

Việc tổ chức lấy ý kiến phải được lập thành biên bản có xác nhận của đại diện Ủy ban nhân dân và đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; đại diện những người có đất thu hồi.

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm tổng hợp ý kiến đóng góp bằng văn bản, ghi rõ số lượng ý kiến đồng ý, số lượng ý kiến không đồng ý, số lượng ý kiến khác đối với phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

3. Tổ chức đối thoại đối với trường hợp còn ý kiến không đồng ý về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Sau khi tổ chức lấy ý kiến và niêm yết, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi tổ chức đối thoại đối với trường hợp còn ý kiến không đồng ý về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Thành phần tham gia buổi đối thoại:

- Hội đồng bồi thường cấp huyện hoặc tùy theo điều kiện của từng địa phương, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện phân công thành phần tham dự cho phù hợp;

- Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;

- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể cấp xã;

- Người có ý kiến không đồng ý về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

4. Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong việc tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm hoàn chỉnh phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ, trình cơ quan Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

Điều 13. Thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

1. Cơ quan thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Cơ quan Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trước khi trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt.

2. Hồ sơ nộp cho cơ quan thẩm định gồm:

PHÂN NHẬN

a) Tờ trình của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đề nghị thẩm định phương án;

b) Bản đồ hiện trạng sử dụng đất khu vực thu hồi đất;

c) Bộ hồ sơ liên quan đến người có đất thu hồi, gồm:

- Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập, trong đó có bảng tổng hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo **Mẫu số 11** Phụ lục kèm theo Quyết định này;

- Xác nhận các nội dung liên quan đến người có đất thu hồi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã, Hội đồng bồi thường cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan (trực tiếp sản xuất nông nghiệp, tái định cư, tính pháp lý thửa đất và tài sản gắn liền với đất, chính sách hỗ trợ);

- Phiếu xác nhận kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc về đất đai theo **Mẫu số 02** (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

- Biên bản điều tra, thu thập thông tin, đo đạc kiểm đếm tài sản gắn liền với đất theo **Mẫu số 03** hoặc Biên bản điều tra, thu thập thông tin, đo đạc kiểm đếm về đất đai và tài sản gắn liền với đất theo **Mẫu số 04** (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

- Hồ sơ về lấy ý kiến và niêm yết phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư;

- Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Nội dung thẩm định gồm:

a) Họ và tên, địa chỉ của người có đất thu hồi;

b) Diện tích, loại đất, nguồn gốc thửa đất bị thu hồi; số lượng, khối lượng, chất lượng còn lại (nếu có) của nhà ở và công trình khác trên đất;

c) Việc áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

d) Việc tính giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất;

đ) Kế hoạch di chuyển và bố trí tái định cư theo Điều 85, Điều 86 Luật Đất đai năm 2013 và tại điểm d khoản 1 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ;

e) Phương án di dời các công trình của Nhà nước, tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư (nếu có);

g) Các nội dung khác có liên quan đến phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

4. Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chuyển đến, cơ quan tài nguyên môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định phương án bồi thường,

hỗ trợ và tái định cư. Việc gửi hồ sơ thẩm định phải có biên bản giao nhận, trường hợp trả hoặc bổ sung hồ sơ phải có văn bản nói rõ lý do.

Thời gian thực hiện thẩm định được quy định như sau:

- Trường hợp thẩm định từ dưới 50 đối tượng thì thời gian thực hiện không quá 03 ngày làm việc;

- Trường hợp thẩm định từ 50 đến dưới 100 đối tượng thì thời gian thực hiện không quá 05 ngày làm việc;

- Trường hợp từ 100 đối tượng trở lên, nếu tăng thêm đến 50 đối tượng thì được cộng thêm 03 ngày làm việc.

Kết quả thẩm định được thể hiện bằng văn bản do cơ quan chủ trì thẩm định ký ban hành và gửi đến Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng sau thời gian thẩm định không quá 03 ngày làm việc.

Điều 14. Quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

1. Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được thực hiện như sau:

- a) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm hoàn chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo ý kiến thẩm định và gửi cơ quan Tài nguyên và Môi trường cùng cấp;

- b) Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, cơ quan Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư;

- c) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do cơ quan Tài nguyên và Môi trường chuyển đến, Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư trong cùng một ngày;

2. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thu hồi đất có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng gửi quyết định thu hồi đất đến tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có đất thu hồi. Quyết định thu hồi đất được lưu giữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai cấp tỉnh đối với trường hợp thu hồi đất tổ chức; lưu giữ tại Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, phòng Tài nguyên và Môi trường và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai nơi có đất thu hồi đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình và cá nhân.

Chương V
CÔNG KHAI PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
VÀ TÁI ĐỊNH CƯ; BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ,
TÁI ĐỊNH CƯ; CHI TRẢ TIỀN BỒI THƯỜNG; BÀN GIAO ĐẤT,
QUẢN LÝ ĐẤT ĐÃ THU HỒI

Điều 15. Công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư có hiệu lực thi hành, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi. Đồng thời cơ quan tài nguyên môi trường có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Quyết định phải ghi rõ về mức bồi thường, hỗ trợ, bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có), thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời gian bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có) và thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

2. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã gửi quyết định bồi thường đến người có đất thu hồi trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày quyết định bồi thường có hiệu lực.

Điều 16. Tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực thi hành. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi. Việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho người có đất thu hồi thực hiện theo quy định tại Điều 93 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 30 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ:

a) Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và thông báo chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã gửi thông báo đến từng người có đất thu hồi. Trường hợp thông báo chi trả tiền chưa gửi đến được người có đất thu hồi (do người có đất thu hồi cố tình không nhận hoặc chưa liên hệ được) thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng niêm yết thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi. Việc niêm yết phải được lập thành biên bản, có xác nhận của chính quyền địa phương.

Sau khi chi trả lần thứ nhất mà người có đất thu hồi không đến nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tiếp tục tổ chức chi trả lần thứ 2, trình tự tổ chức thực hiện tương tự như lần thứ nhất.

b) Sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn chi trả tiền bồi thường theo thông báo nhận tiền bồi thường lần thứ hai mà người được bồi thường, hỗ trợ không đến liên hệ để nhận tiền thì việc tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo kế hoạch kết thúc.

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi lập biên bản xác nhận kết thúc tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo kế hoạch và chuyển tiền chi trả bồi thường, hỗ trợ vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước và không chịu trách nhiệm về việc chậm chi trả theo quy định tại khoản 2, Điều 93 Luật Đất đai năm 2013. Người có đất thu hồi liên hệ trực tiếp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng để nhận tiền bồi thường.

c) Khi chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thu hồi bản gốc giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (nếu có) và chuyển cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để lưu hồ sơ (đối với trường hợp thu hồi hết thửa đất) hoặc chỉnh lý biên động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đối với trường hợp thu hồi một phần thửa đất).

d) Trường hợp người được bồi thường ủy quyền cho người khác nhận tiền bồi thường thì phải có giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật.

đ) Trường hợp cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường chậm chi trả thì khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, ngoài tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì người có đất thu hồi còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả. Số tiền được thanh toán thêm được đưa vào phương án bồi thường bổ sung và chi trả cho người có đất thu hồi sau khi phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trường hợp diện tích đất thu hồi đang có tranh chấp về quyền sử dụng đất mà chưa giải quyết xong thì tiền bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất đang tranh chấp đó được chuyển vào Kho bạc Nhà nước, chờ sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết xong thì trả cho người có quyền sử dụng đất.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các cơ quan chức năng giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật. Trường hợp sau khi giải quyết xong tranh chấp của cơ quan có thẩm quyền mà có sự khác biệt so với phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng trình cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Điều 17. Bàn giao, quản lý đất đã thu hồi

1. Việc bàn giao đất giữa người có đất thu hồi với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện như sau:

Trong thời hạn không quá 20 ngày, kể từ ngày Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thanh toán xong tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi theo phương án đã được phê duyệt thì người có đất thu hồi phải bàn giao đất cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Việc bàn giao đất giữa Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và người có đất thu hồi phải lập thành biên bản và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi.

Nội dung biên bản bàn giao thực hiện theo **Mẫu số 12** của Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Đất đã thu hồi được giao để quản lý, sử dụng theo quy định sau đây:

Việc quản lý, sử dụng đất đã được thu hồi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 68 và khoản 4 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; giao Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện các thủ tục có liên quan để giao cho chủ đầu tư thực hiện dự án.

Chương VI

CƯỜNG CHẾ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH KIỂM Đếm BẮT BUỘC VÀ CƯỜNG CHẾ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH THU HỒI ĐẤT

Điều 18. Cường chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc

1. Trường hợp người sử dụng đất trong khu vực có đất thu hồi không phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng trong việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thì Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức vận động, thuyết phục để người sử dụng đất thực hiện.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được vận động, thuyết phục mà người sử dụng đất vẫn không phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc.

2. Việc ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc thực hiện như sau:

a) Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng báo cáo và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng giao quyết định kiểm đếm bắt buộc đến người có đất thu hồi và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung khu dân cư. Đồng thời Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng vận động, thuyết phục người có đất thu hồi thực hiện quyết



định kiểm đếm bắt buộc. Việc giao quyết định kiểm đếm bắt buộc, tổ chức vận động, thuyết phục phải được lập thành biên bản.

c) Sau khi đã được vận động, thuyết phục nhưng người có đất thu hồi không chấp hành quyết định kiểm đếm bắt buộc thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc. Việc ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc thực hiện theo điểm a, điểm b Khoản 2 của Điều này.

3. Cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc.

a) Thành lập Ban cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc:

Trước khi tiến hành cưỡng chế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Ban cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc (gọi tắt là Ban cưỡng chế) gồm các thành phần như sau:

- Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện là trưởng ban;
- Các thành viên gồm đại diện các cơ quan cấp huyện: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Thanh tra, Tư pháp, Công an, Quản lý đô thị; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, xã; Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi và một số thành viên khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

- Trưởng Ban cưỡng chế được sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong quá trình hoạt động. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cưỡng chế, giải quyết khiếu nại liên quan đến việc cưỡng chế theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

b) Tổ chức thực hiện cưỡng chế.

Khi Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc đã có hiệu lực thi hành. Ban cưỡng chế tổ chức vận động, thuyết phục, đối thoại với người bị cưỡng chế. Trường hợp người bị cưỡng chế chấp hành quyết định cưỡng chế thì lập biên bản ghi nhận sự chấp hành và thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm.

Trường hợp người bị cưỡng chế không chấp hành quyết định cưỡng chế thì Ban cưỡng chế thực hiện cưỡng chế.

c) Xây dựng phương án cưỡng chế.

- Cơ quan Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các thành viên của Ban cưỡng chế xây dựng phương án cưỡng chế và dự toán kinh phí cho hoạt động cưỡng chế, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, trong đó phân công nhiệm vụ cho các thành viên khi thực hiện cưỡng chế. Lực lượng công an căn cứ vào phương án cưỡng chế, xây dựng kế hoạch bảo vệ trật tự, an toàn trong quá trình tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế.

- Thời gian tổ chức cuộc cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc là không quá 07 ngày làm việc kể từ khi người bị cưỡng chế không chấp hành quyết định cưỡng chế.

- Việc tổ chức thực hiện cưỡng chế phải đảm bảo nguyên tắc và điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 19. Cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất

1. Khi quyết định thu hồi đất có hiệu lực thi hành và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt được công bố công khai. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt.

2. Trường hợp người có đất thu hồi không chấp hành quyết định thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức vận động, thuyết phục để người có đất thu hồi thực hiện.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được vận động, thuyết phục mà người có đất thu hồi vẫn không chấp hành quyết định thu hồi đất thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất, đồng thời quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức thực hiện cưỡng chế.

3. Ban hành quyết định cưỡng chế, thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất.

a) Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng báo cáo và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi có trách nhiệm phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện việc giao quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đến người bị cưỡng chế và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung khu dân cư nơi có đất thu hồi. Việc giao quyết định và niêm yết phải được lập thành biên bản.

Trường hợp người bị cưỡng chế từ chối không nhận quyết định cưỡng chế hoặc vắng mặt khi giao quyết định cưỡng chế thì Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất. Thành phần Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất được quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.

4. Tổ chức thực hiện cưỡng chế

a) Trước khi tiến hành cưỡng chế, Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất tổ chức vận động, thuyết phục, đối thoại với người bị cưỡng chế, nếu người bị cưỡng

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường bằng văn bản để nghiên cứu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp!.



HỆ THỐNG BIỂU MẪU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1831/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

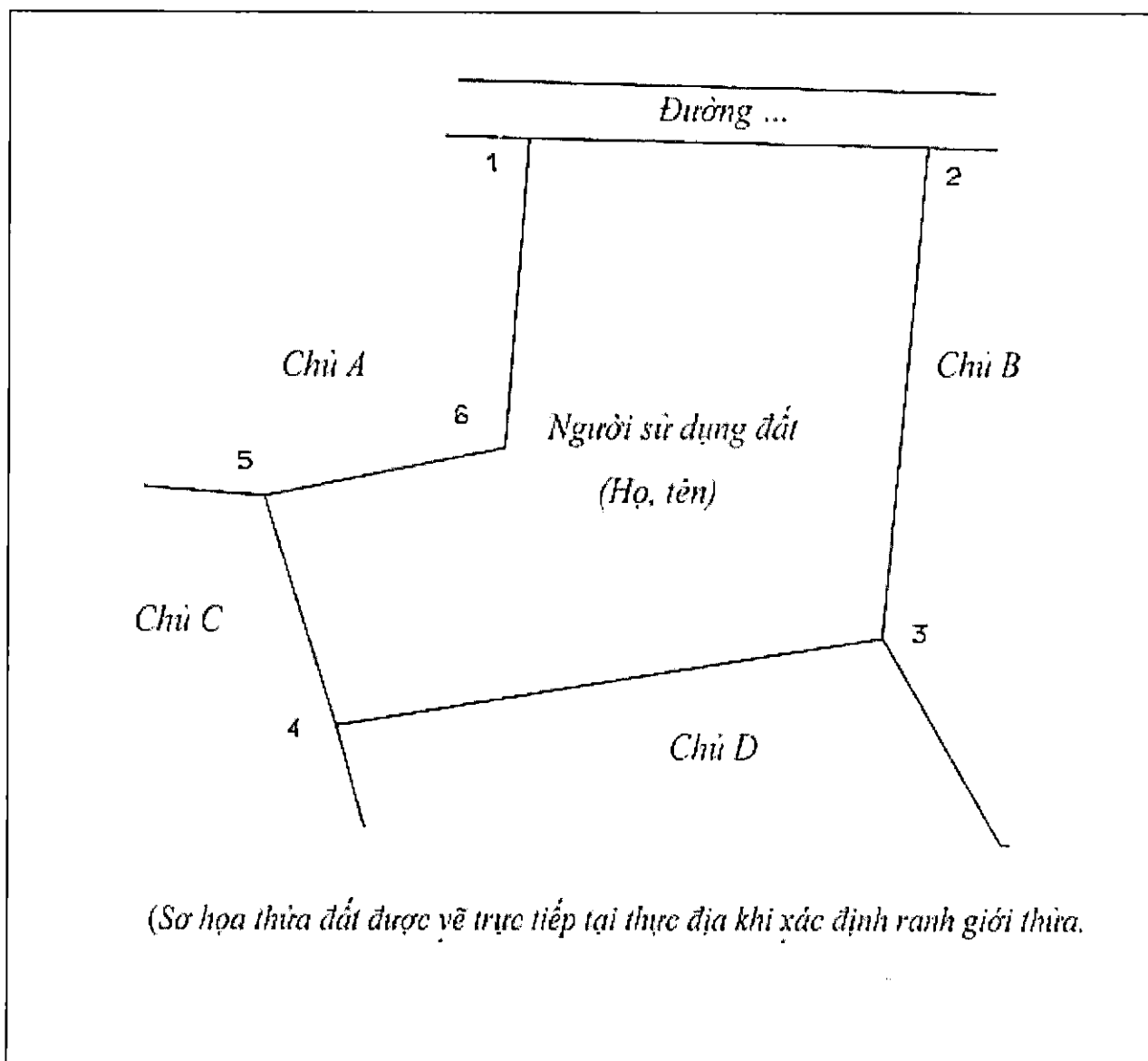
Mẫu số 01	Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất (thực hiện đối với các huyện, thành phố chưa có cơ sở dữ liệu địa chính, hồ sơ địa chính)
Mẫu số 02	Phiếu xác nhận kết quả điều tra, đo đạc, khảo sát về đất đai (thực hiện đối với các huyện, thành phố chưa có cơ sở dữ liệu địa chính, hồ sơ địa chính)
Mẫu số 03	Biên bản điều tra, thu thập thông tin, đo đạc, kiểm đếm về tài sản gắn liền với đất (thực hiện đối với các huyện, thành phố chưa có cơ sở dữ liệu địa chính, hồ sơ địa chính)
Mẫu số 04	Biên bản điều tra, thu thập thông tin, đo đạc, kiểm đếm về đất đai và tài sản gắn liền với đất (thực hiện đối với các huyện, thành phố đã có cơ sở dữ liệu địa chính, hồ sơ địa chính)
Mẫu số 05	Phiếu xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất
Mẫu số 06	Biên bản xác nhận năm xây dựng, tính pháp lý về nhà ở và công trình xây dựng khác
Mẫu số 07	Giấy xác nhận đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp đối với trường hợp nơi thường trú và địa chỉ khu đất trên cùng một địa bàn xã (phường, thị trấn)
Mẫu số 08	Giấy xác nhận đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp đối với trường hợp nơi thường trú và địa chỉ khu đất không cùng địa bàn xã (phường, thị trấn)
Mẫu số 09	Thông tin phục vụ thực hiện chính sách hỗ trợ
Mẫu số 10	Biên bản phân loại tài sản gắn liền với đất
Mẫu số 11	Bảng tổng hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo phương án
Mẫu số 12	Biên bản bàn giao đất
Phụ biểu 01	Bảng Kế hoạch chi tiết nội dung và thời gian tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ
RANH GIỚI, MỐC GIỚI THỪA ĐẤT

Ngày.... tháng.... năm....., (tên đơn vị đo đạc) đã tiến hành xác định ranh giới, mốc giới thửa đất tại thực địa của (ông, bà, đơn vị)..... đang quản lý, sử dụng đất tại Sau khi xem xét hiện trạng về sử dụng đất và ý kiến thống nhất của những người sử dụng đất liền kề, đơn vị đo đạc đã xác định ranh giới, mốc giới sử dụng đất và lập bản mô tả ranh giới, mốc giới sử dụng đất như sau:

SƠ HỌA RANH GIỚI, MỐC GIỚI THỪA ĐẤT



MÔ TẢ CHI TIẾT MỐC GIỚI, RANH GIỚI THỬA ĐẤT

- Từ điểm 1 đến điểm 2: giáp đường.....;
- Từ điểm 2 đến điểm 3: cọc gỗ, ranh giới theo mép trong rãnh nước.....
- Từ điểm 3 đến điểm 4: góc mương.....
- Từ điểm 4 đến điểm 5: góc tường rào.....
- Từ điểm

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐẤT THEO TỪNG THỬA ĐẤT:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Người sử dụng đất
(Ký, ghi rõ họ và tên)

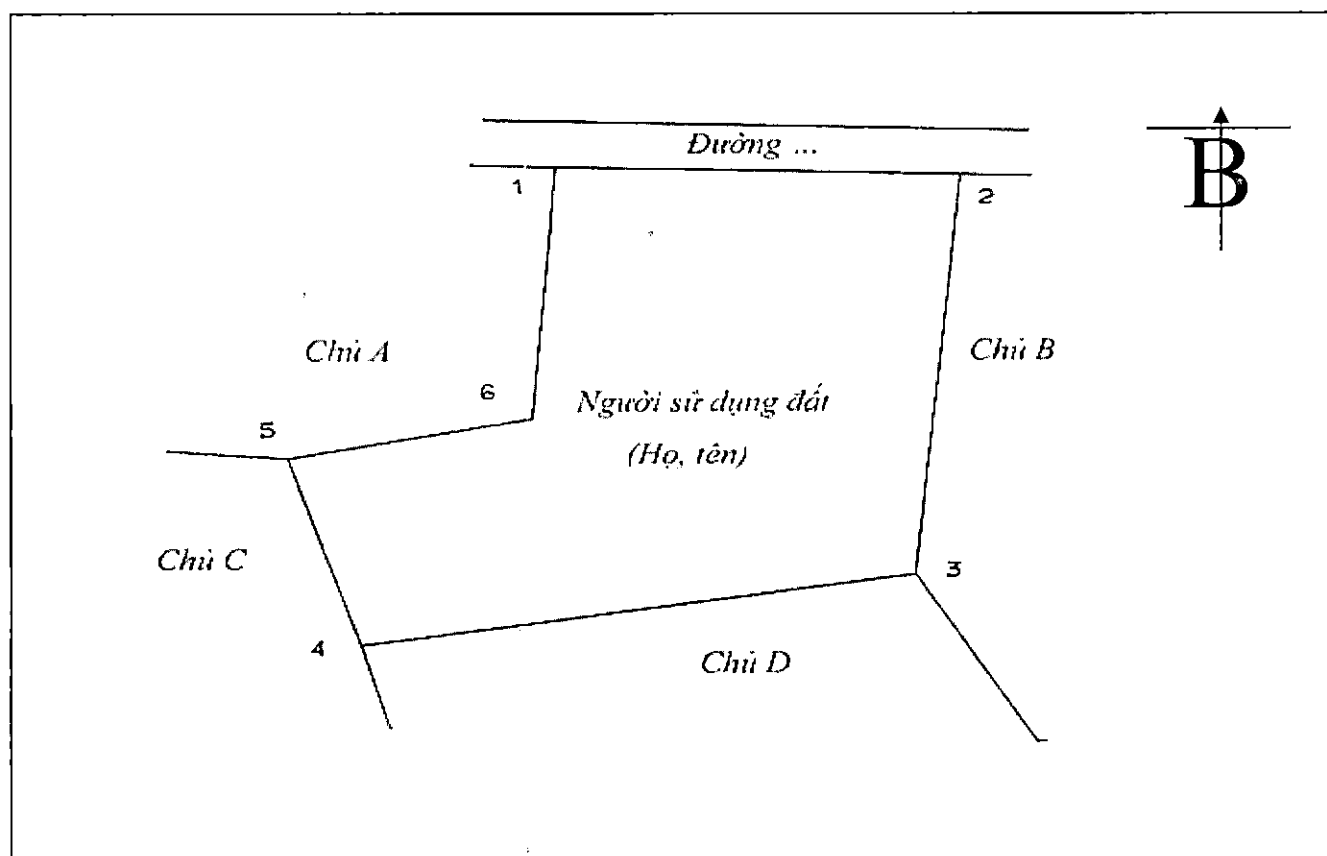
Người dẫn đạc
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Cán bộ đo đạc
(Ký, ghi rõ họ và tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU XÁC NHẬN
KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT, ĐO ĐẠC VỀ ĐẤT ĐAI

1. Số thứ tự thửa đất..... ; Tờ bản đồ (trích đo) địa chính số.....
2. Đơn vị đo đạc :
3. Địa chỉ thửa đất :
4. Diện tích đất:; Mục đích sử dụng đất:
5. Tên người sử dụng đất :
6. Địa chỉ thường trú:.....
7. Giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất :
- Loại giấy tờ hiện có :.....
.....
.....
.....
8. Tình hình tranh chấp quyền sử dụng đất (nếu có):.....
.....



9. Tọa độ và chiều dài các cạnh thửa:

Điểm	Tọa độ		Chiều dài (m)
	X	Y	
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
Hệ tọa độ VN-2000			
Kinh tuyến trục $104^{\circ}30'$, múi chiếu 3°			

10. Ý kiến của người sử dụng đất về kết quả điều tra, đo đạc (nếu có):

.....

.....

Người sử dụng đất
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Cán bộ đo đạc
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Đơn vị đo đạc
(Ký, ghi rõ họ và tên)

2. Đồng hồ điện:cái 3. Đồng hồ nước:cái 4. Điện thoại:.....cái 5. Truyền hình cáp:.....cái
6. Mốp đất:cái 7. Mốp xây gạch, đá:.....cái 8. Kim tính xây:.....cái 9. Lò đất:.....m²
10. Giếng khoan.....:cái 11. Giếng đào.....:cái

II. Về Cây trồng:

[illegible]

III. Điều tra kinh tế xã hội hộ gia đình:

1. Gia đình bà mẹ VNAH: ☐ 2. Anh Hùng LLVTND: ☐ 3. Thương binh: ☐ 4. Bệnh binh: ☐
5. Liệt sĩ: ☐ 6. Hộ nghèo: ☐ 7. Hộ cận nghèo: ☐ 8. Dân tộc: Kinh: ☐ Khmer: ☐
9. Kinh doanh, buôn bán: Có đăng ký kinh doanh ☐ Không đăng ký kinh doanh ☐

Số liệu đo đạc, kiểm đếm về đất đai, cây trồng, vật kiến trúc được các thành viên trong tổ đo đạc và đại diện người có đất thu hồi cùng tiến hành thực hiện tại thực địa và được các bên tham gia thống nhất.

IV. Ý kiến của chủ hộ hoặc các thành viên phụ trách kiểm kê:

Người sử dụng đất
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Người dẫn đặc
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Cán bộ đo đạc
(Ký, ghi rõ họ và tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
ĐIỀU TRA THU THẬP THÔNG TIN, ĐO ĐẠC KIỂM ĐẾM VỀ
ĐẤT ĐAI VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Công trình:.....

Hôm nay, ngày tháng năm 20..... tại :

Chúng tôi thành phần gồm có:

1. Ông (bà): chức vụ:.....
2. Ông (bà): chức vụ:.....
3. Ông (bà): chức vụ:.....
4. Ông (bà): chức vụ:.....
5. Ông (bà): chức vụ:.....

Tiến hành điều tra thu thập thông tin, đo đạc kiểm đếm về đất đai và tài sản gắn liền với đất:

Của chủ hộ (Ông, bà):, Sinh năm:, Số điện thoại liên lạc:.....

Số CMND: Nơi cấp:

Thường trú tại:

Tên vợ hoặc chồng: Số nhân khẩu trong hộ:(lao động chính:)

I. Về đất đai:

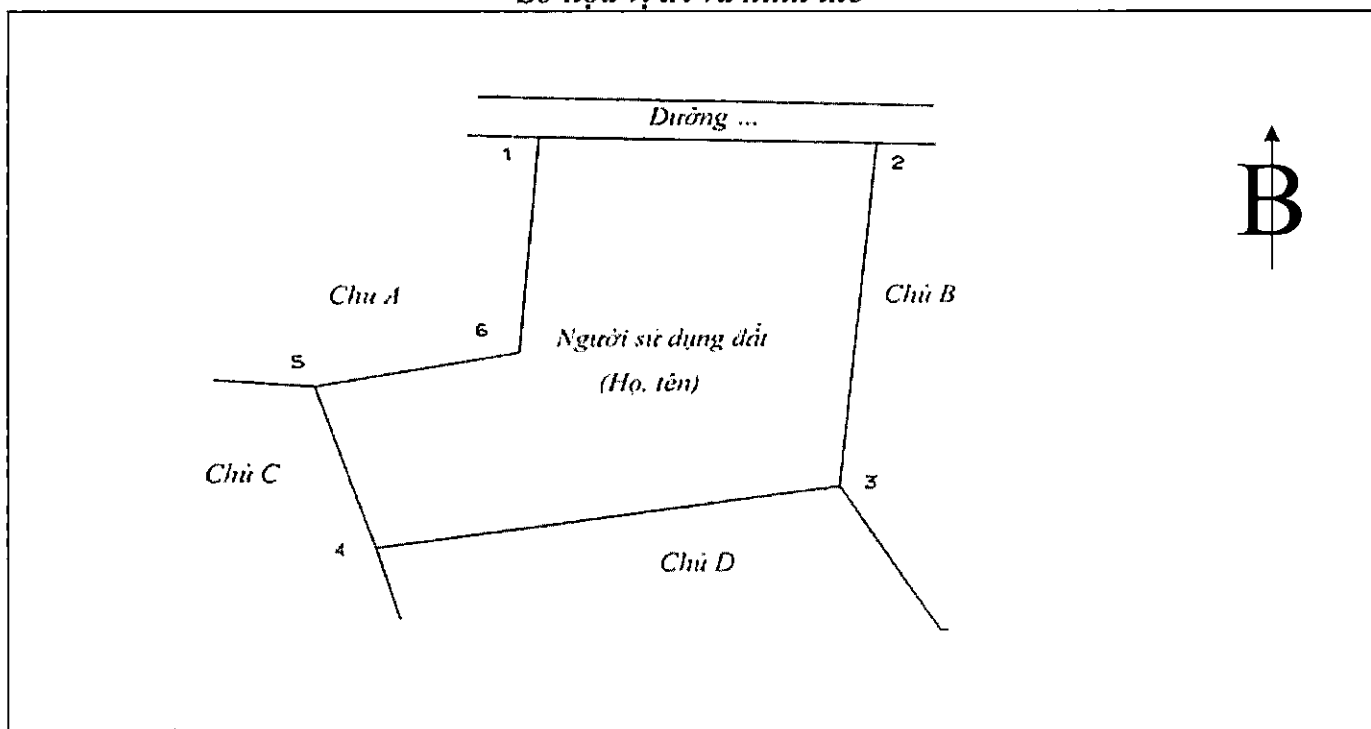
1. Thửa đất thứ nhất: Số thửa..... ; Tờ bản đồ số.....; Diện tích.....m²; Mục đích SD.....;

Giấy tờ pháp lý về QSDĐ hiện có:.....

2. Thửa đất thứ hai: Số thửa..... ; Tờ bản đồ số.....; Diện tích.....m²; Mục đích SD.....;

Giấy tờ pháp lý về QSDĐ hiện có:.....

Sơ họa vị trí và hình thể



II. Về nhà ở và công trình kiến trúc khác:

1. Hạng mục:	Diện tích mất (m ²)	DT ảnh hưởng	Móng	Mái	Nền	Vách	Cột	Trần	Ghi chú

2. Đồng hồ điện:cái 3. Đồng hồ nước:cái 4. Điện thoại:.....cái 5. Truyền hình cáp:.....cái
 6. Mộ đất:cái 7. Mộ xây gạch, đá:.....cái 8. Kim tính xây:.....cái 9. Lò đất:.....m²
 10. Giếng khoan:.....:cái 11. Giếng đào:.....:cái

III. Về Cây trồng:

Loại cây	Đ.vị tính (cây-m ²)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Ghi chú

IV. Điều tra kinh tế xã hội hộ gia đình:

1. Gia đình bà mẹ VNAH: ☐ 2. Anh Hùng LLVTND: ☐ 3. Thương binh: ☐ 4. Bệnh binh: ☐
 5. Liệt sĩ: ☐ 6. Hộ nghèo: ☐ 7. Hộ cận nghèo: ☐ 8. Dân tộc: Kinh: ☐ Khmer: ☐
 9. Kinh doanh, buôn bán: Có đăng ký kinh doanh ☐ Không đăng ký kinh doanh ☐
 Số liệu đo đạc, kiểm đếm về đất đai, cây trồng, vật kiến trúc được các thành viên trong tổ đo đạc và đại diện người có đất thu hồi cùng tiến hành thực hiện tại thực địa và được các bên tham gia thống nhất.

V. Ý kiến của chủ hộ hoặc các thành viên phụ trách kiểm kê:

Ghi chú: Trường hợp không còn chỗ trống để ghi thì được phép ghi sang trang bổ sung nhưng phải ghi rõ số lượng trang bổ sung kèm theo là:trang.

Người sử dụng đất
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Người dẫn đạc
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Cán bộ đo đạc
(Ký, ghi rõ họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU XÁC NHẬN
Về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm, tại UBND xã (phường, thị trấn)....., huyện....., tỉnh.....đã họp để xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với các thửa đất của (ghi tên và địa chỉ của người sử dụng đất cần xác định). tại địa chỉ..... (ghi tên địa danh nơi có đất)

Thành phần cuộc họp gồm có:

1. Ông (bà): chức vụ: ĐD lãnh đạo UBND cấp xã, chủ trì
2. Ông (bà): chức vụ:.....
3. Ông (bà): chức vụ:.....
4. Ông (bà): chức vụ:.....
5. Ông (bà): chức vụ:.....

Cuộc họp đã thống nhất xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất cụ thể như sau:

1. Thửa đất thứ nhất: Số thửa....., thuộc tờ bản đồ số....., loại đất....., diện tích....., (ghi cụ thể: tự khai phá, bao chiếm hoặc nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, được tặng cho, ... từ người sử dụng đất nào, vào thời gian nào)

2. Thửa đất thứ hai: Số thửa....., thuộc tờ bản đồ số....., loại đất....., diện tích.....,

.....

3. Thửa đất thứ ba: Số thửa....., thuộc tờ bản đồ số....., loại đất....., diện tích.....,

.....

4. Tình trạng tranh chấp đất đai (nếu có):

.....

(ghi rõ không tranh chấp hay đang tranh chấp sử dụng đất với người sử dụng đất nào)

Chủ trì cuộc họp
 (Ký, ghi rõ họ tên và chức danh
 của người chủ trì cuộc họp)

Những người tham gia cuộc họp cùng thống nhất ký tên dưới đây:

STT	Họ và tên	Đơn vị, chức vụ	Ký tên
1			
2			
3			
...			

**BIÊN BẢN XÁC NHẬN NĂM XÂY DỰNG,
TÍNH PHÁP LÝ VỀ NHÀ Ở VÀ CÔNG TRÌNH KHÁC**

Tên dự án:.....

Địa điểm:.....

Hôm nay, ngàytháng.....năm, tại UBND xã, (phường, thị trấn), Hội đồng tiến hành xác minh năm xây dựng nhà, tính pháp lý về nhà ở và công trình khác xây dựng trên đất của các hộ dân khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án:.....

Thành phần tham dự:

Ông (Bà):.....	Đại diện:
Ông (Bà):.....	Đại diện:
Ông (Bà):.....	Đại diện:
Ông (Bà):.....	Đại diện:
Ông (Bà):.....	Đại diện:
Ông (Bà):.....	Đại diện:
Ông (Bà):.....	Đại diện:
Ông (Bà):.....	Đại diện:

Số TT	Họ và tên	Vật kiến trúc				Thông tin do cán bộ đo đạc thu thập	Thông tin do địa phương xác nhận
		Hạng mục	Đơn vị tính	Diện tích	Diện tích ảnh hưởng		

ĐẠI DIỆN:.....

ĐẠI DIỆN:.....

ĐẠI DIỆN:.....

ĐẠI DIỆN:.....

ĐẠI DIỆN:.....

ĐẠI DIỆN:.....

GIẤY XÁC NHẬN

**Đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp đối với trường hợp nơi thường trú
và địa chỉ khu đất trên cùng một địa bàn xã (phường, thị trấn)**

Căn cứ văn bản đề nghị của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, UBND xã (phường, thị trấn)xác nhận nghề nghiệp của từng thành viên trong gia đình, nhằm xác định hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp phục vụ cho việc xét hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đồng thời làm căn cứ để hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất, cụ thể như sau:

- Tên chủ hộ (cá nhân):..... Sinh năm:.....Số CMND/CCCD:....., nơi cấp:.....

- Hiện thường trú tại ấp (khu phố):....., xã (phường, thị trấn):....., Huyện (thành phố):....., tỉnh

- Địa chỉ khu đất: ấp (khu phố):....., xã (phường, thị trấn):....., Huyện (thành phố):....., tỉnh

Các thành viên trong gia đình (không kể những khẩu nhập nhờ hộ khẩu)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quan hệ với chủ hộ	Nghề nghiệp ¹	Ý kiến kết luận về trực tiếp SXNN ²
1					
2					
3					
....					

**Xác nhận của UBND
xã (phường, thị trấn)
về trực tiếp SXNN**

....., ngàythángnăm.....
Xác nhận của ấp (khu phố)

¹ Ghi rõ trong hộ gia đình, cá nhân có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) hay không? Nhân khẩu có nghề nghiệp khác không phải cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) đang sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích sản xuất nông nghiệp (Ví dụ: Lao động tự do, làm việc tại doanh nghiệp, nội trợ, học sinh, sinh viên....).

2. Kết luận của UBND cấp xã đối với từng thành viên có trực tiếp sản xuất nông nghiệp hay không?

Mẫu áp dụng cho trường hợp nơi thường trú và địa chỉ khu đất trên cùng một địa bàn xã (phường, thị trấn)

GIẤY XÁC NHẬN

**Đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp đối với trường hợp nơi thường trú
và địa chỉ khu đất không cùng địa bàn xã (phường, thị trấn)**

Căn cứ văn bản đề nghị của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, UBND xã (phường, thị trấn)xác nhận nghề nghiệp của từng thành viên trong gia đình, nhằm xác định hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp phục vụ cho việc xét hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đồng thời làm căn cứ để hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất, cụ thể như sau:

- Tên chủ hộ (cá nhân):..... Sinh năm:.....Số CMND/CCCD:.....,
nơi cấp:.....

- Hiện thường trú tại ấp (khu phố):....., xã (phường, thị trấn):.....,
Huyện (thành phố):....., tỉnh

- Địa chỉ khu đất: ấp (khu phố):....., xã (phường, thị trấn):.....,
Huyện (thành phố):....., tỉnh

Các thành viên trong gia đình (không kể những khẩu nhập nhờ hộ khẩu)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quan hệ với chủ hộ	Nghề nghiệp ¹	Ý kiến kết luận về trực tiếp SXNN ²
1					
2					
3					
...					

**Ý kiến xác nhận của UBND
xã (phường, thị trấn)**
(Nơi có đất)

....., ngàythángnăm.....

Xác nhận của ấp (khu phố)
(Nơi có đất)

Xác nhận của UBND xã (phường, thị trấn)
nơi đăng ký hộ khẩu thường trú về hộ gia đình,
cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp

¹ Ghi rõ trong hộ gia đình, cá nhân có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) hay không? Nhân khẩu có nghề nghiệp khác không phải cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) đang sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích sản xuất nông nghiệp (Ví dụ: Lao động tự do, làm việc tại doanh nghiệp, nội trợ, học sinh, sinh viên....).

² Kết luận của UBND cấp xã đối với từng thành viên có trực tiếp sản xuất nông nghiệp hay không?

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 09

THÔNG TIN PHỤC VỤ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

CÔNG TRÌNH:.....

ĐỊA ĐIỂM:

UBND xã, (phường, thị trấn):..... cung cấp số thông tin phục vụ việc thực hiện các chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình và cá nhân khu vực thu hồi đất giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án:.....

Nội dung cụ thể như sau:

Số TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Số khẩu trong hộ gia đình (không kể khẩu nhập nhờ)	Thông tin về nhà ở, đất ở nơi khác trong địa bàn Xã (phường, thị trấn)	Tổng nhất số nền tái định định cư	Hộ buôn bán, kinh doanh		Bà mẹ VNAH, Anh hùng LLVT, Anh hùng lao động, cán bộ lão thành CM	Hộ gia đình thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với CM	Hộ nghèo, cận nghèo (có sổ hộ nghèo, cận nghèo)
					Không đăng ký kinh doanh	Có đăng ký kinh doanh			
1	Nguyễn Văn A								
	Số CMND/CCCD								
	Thường trú:.....								
2									
3									
...									

LẬP BẢNG

UBND XÃ (PHƯỜNG, THỊ TRẤN)

[illegible]

II. Về Cây trồng:

Loại cây	Đ.vị tính (cây-m ²)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Ý kiến hội đồng

Ý kiến khác của các thành viên tham gia thẩm định (nếu có):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Đại diện:.....
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Đại diện:.....
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Đại diện:.....
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Đại diện:.....
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Đại diện:.....
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Đại diện:.....
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Đại diện:.....
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Đại diện:.....
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Đại diện:.....
(Ký, ghi rõ họ và tên)

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Mẫu số 11

KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN.....

ĐỊA ĐIỂM:.....

Số TT	Họ và Tên	Số kh	Số LDC	Số tờ	Số thửa	Đất đai						Cây trồng				Vật kiến trúc						Hỗ trợ				Tổng Thành tiền	Các thông tin được địa phương xác nhận	Cơ sở pháp lý được áp dụng
						Loại đất	DT	AH	Đ.giá BT	Đ.giá HT	T.tiền BT	T.tiền HT	Loại cây	SL	Đ.giá	T.tiền	Hạng mục	ĐV	DT	AH	Đ.giá	T.tiền	Loại HT	SL	Đ.giá	T.tiền HT		
1																												
...																												

CÁN BỘ ĐO ĐẠC

CÁN BỘ XỬ LÝ SỐ LIỆU

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

BIÊN BẢN BÀN GIAO ĐẤT

Hôm nay, ngày tháng năm..... . Tại

Chúng tôi gồm:

I. ĐẠI DIỆN BÊN GIAO (NGƯỜI CÓ ĐẤT THU HỒI):

- Ông (bà):; Năm sinh:.....;
- CMND/CCCD:.....do công an..... cấp ngày:.....;
- Địa chỉ thường trú:.....
- Địa chỉ khu đất bàn giao:.....

II. ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN (TỔ CHỨC LÀM NHIỆM VỤ BỒI THƯỜNG):

- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:

III. ĐẠI DIỆN UBND CẤP XÃ (NƠI CÓ ĐẤT THU HỒI):

- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:

Thực hiện Quyết định số /QĐ-UBND ngày.....tháng.....năm..... của UBND..... về việc thu hồi đất của ông (bà)..... để thực hiện dự án

Người có đất thu hồi là Ông(bà):..... tiến hành bàn giao đất đã thu hồi cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án:.....

Cụ thể các thửa đất như sau:

1. Thửa đất thứ nhất: Số thửa....., thuộc tờ bản đồ số, loại đất....., diện tích thu hồi,
2. Thửa đất thứ nhất: Số thửa....., thuộc tờ bản đồ số, loại đất....., diện tích thu hồi.....,

Biên bản kết thúc vào lúc:giờ.....phút cùng ngày, có đọc lại cho mọi người cùng nghe và thống nhất nội dung ghi trong biên bản./.

Đại diện bên nhận
(Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường)

Đại diện bên giao
(Người có đất bị thu hồi)

Đại diện UBND cấp xã

**BẢNG KẾ HOẠCH CHI TIẾT NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN TỔ CHỨC THỰC HIỆN
BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ**

DỰ ÁN:.....

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
01	Thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện, trình UBND tỉnh ủy quyền UBND cấp huyện quyết định thu hồi đất (nếu có)	Cơ quan Tài nguyên và Môi trường		
02	Điều tra, thu thập thông tin phục vụ việc lập Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và hồ sơ về thông báo thu hồi đất	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai, UBND cấp xã nơi có đất thu hồi	
03	Trình UBND cấp huyện ban hành Kế hoạch thu hồi đất, thông báo thu hồi đất	Cơ quan Tài nguyên và Môi trường	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	
04	Họp dân triển khai Kế hoạch thu hồi đất; gửi thông báo thu hồi đất đến từng người có đất thu hồi	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	UBND cấp xã nơi có đất thu hồi	
05	Tổ chức điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm về đất đai và tài sản khác gắn liền với đất	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	UBND cấp xã nơi có đất thu hồi	
06	Xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND cấp huyện	
07	Tổ chức thẩm định ngoại nghiệp	Cơ quan Tài nguyên và Môi trường chủ trì, cùng các ngành có liên quan	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	
08	Xét duyệt tính pháp lý về đất đai, tài sản gắn liền với đất và các chính sách hỗ trợ (chuyển đổi nghề, ổn định đời sống, sản xuất, tái định cư...)	UBND cấp xã nơi có đất thu hồi	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	
09	Thông qua kết quả xét chuyển đổi nghề và tái định cư với hội đồng BT HT TĐC cấp huyện	UBND cấp huyện	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
			bằng	
10	Lập, tổ chức lấy ý kiến phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; đối thoại với các trường hợp chưa đồng ý về phương án bồi thường, niêm yết 20 ngày	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	UBND cấp huyện, các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các tổ chức đoàn thể	
11	Báo cáo Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư kết quả lấy ý kiến phương án, xử lý một số vướng mắc (nếu có)	UBND cấp huyện	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	
12	Thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	Cơ quan Tài nguyên và Môi trường	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	
13	Hoàn chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh		
14	Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Ban hành Quyết định thu hồi đất; Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	UBND cấp huyện	Cơ quan Tài nguyên và Môi trường	
15	Niêm yết Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; gửi Quyết định thu hồi đất đến người có đất thu hồi; Quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	UBND cấp xã nơi có đất thu hồi	
16	Tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	UBND cấp xã nơi có đất thu hồi	

Ghi chú: Tùy theo quy mô, tích chất của từng dự án, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có thể điều chỉnh nội dung công việc cho phù hợp.